TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/201 9
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2019/TLST-DS, ngày 08/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐST-DS, ngày 12/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị X**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 và ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà X, bà H có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị X trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà có tham gia một dây hụi khui ngày 15/3/2017 âm lịch do bà H làm chủ, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, gồm 32 hụi viên. Bà tham gia 2 phần, tên trong phiêu hụi "5 Th" là tên thường gọi của bà.

Bà chưa hốt hụi, đã đóng được (24 lần x 2 phần x 750.000 đồng =36.000.000 đồng). Hụi đã bể nhưng bà H gom thêm 2 lần nữa, nên bà đóng được 24 lần (đóng đến tháng 02/2019 âm lịch).

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông T liên đới trả cho bà 36.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền lãi. Lý do bà yêu cầu ông T trả nợ do 2 người là vợ chồng. Khi đi đóng hụi, không có bà H ở nhà thì bà giao tiền hụi cho ông T. Lúc hụi bị bể, bà cũng có đến gặp ông T thì ông nói để bà H về từ từ giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bà H, ông T liên đới trả cho bà 36.000.000 đồng tiền hụi gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi.

** Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận lời trình bày của bà X về diễn biến quá trình tham gia dây hụi nêu trên là đúng. Bà xác định còn nợ bà X 36.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà X số tiền này và 1.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 37.000.000 đồng. Bà thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn là ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi với bà.

Khi bà không có nhà, bà X đi đóng hụi thì ông T cũng có nhận tiền nên nói không biết là không đúng. Số tiền hụi bà X đóng cho bà thì một phần giao cho các hụi viên lĩnh hụi, một phần đắp qua các dây hụi khác vì bà tham gia rất nhiều dây hụi, có dây bà là chủ, có dây là hụi viên. Một số hụi viên không đóng hoặc họ tự trừ cấn các dây hụi với nhau vì nghe vợ chồng bà sắp ly hôn nên hụi bị bể. Một phần tiền hụi thì sử dụng chăm lo con cái, nhà cửa. Ông T nói làm 02 ha ruộng là không đúng. Trước đây, cha chồng có cho khoảng 2 công đất, sau đó mới cho thêm 2 công đất nữa. Năm 2018, vợ chồng bà mới mua thêm 01 ha đất. Ông T đi làm rất ít đưa tiền cho bà. Nay ông T đã nộp đơn xin ly hôn với bà thì nợ nần cũng phải liên đới trả cùng bà.

** Bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà H gây nợ trên 1 tỷ đồng nhưng ông không biết nguyên nhân, không có ký tên và không biết khoản nợ này. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hụi, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Việc bà H gây nợ có thể sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, phi pháp. Bà H hâm dọa các con phải khai theo ý bà H nếu không sẽ đuổi khỏi nhà, bỏ đói. Ông và bà H thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà H. Ông T có nộp kèm bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc L là chị ruột của ông T cũng khai có nội dung như bản tự khai của ông T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hụi quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T chỉ nộp bản tự khai và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà X và bà H thống nhất về diễn biến của dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15/3/2017 âm lịch. Hụi đã bể, tổng số tiền hụi mà bà X đóng là (24 lần x 2 phần x 750.000 đồng = 36.000.000 đồng). Bà X yêu cầu bà H, ông T liên đới trả cho bà 36.000.000 đồng tiền hụi gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Bà H đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, bà H thừa nhận còn nợ bà X 36.000.000 đồng là tiền bà X đã đóng của dây hụi nêu trên. Nay hụi đã bể, nhưng bà H không trả tiền cho bà X là vi phạm tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên bà X khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền hụi là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà X yêu cầu bà H và ông T liên đới trả 1.000.000 đồng tiền lãi của số tiền hụi đã đóng cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H đồng ý trả cho bà X 1.000.000 đồng lãi suất. Việc các bên thỏa thuận về lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

- Xét nghĩa vụ trả nợ hụi:

Bà X yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả nợ hụi cho bà. Lý do, việc chơi hụi giữa bà và bà H, ông T đều biết. Khi bà đóng hụi mà không có bà H ở nhà thì bà đóng cho ông T. Khi bể hụi bà cũng có nói với ông T số tiền còn nợ hụi, ông T nói đợi bà H về giải quyết.

Ông T không đồng ý liên đới trả nợ với bà H vì ông cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nên nợ, không ký tên và không biết về việc nợ của bà H. Ông đã bán một phần đất trả nợ cho bà H hơn 1 tỷ, nhưng nay bà H vẫn còn nợ nên không đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà X.

Xét thấy, bà X cho rằng khi bà H không có nhà thì bà đóng hụi cho ông T. Phần hụi của bà X diễn ra từ năm 2017 khi hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại. Ông T không chứng minh được bà H sử dụng tiền hụi này vào mục đích cá nhân. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại, ông T phải quan tâm đến việc của bà H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông T cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nợ và nghi ngờ bà H sử dụng tiền này vào mục đích cá nhân, phi pháp thì không liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh Th ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông T, bà H là người đã trưởng thành, có nhận thức đầy đủ, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà X và ông T biết về việc chơi hụi, vay tiền của bà H. Ông T không chứng minh được việc bà H sử dụng tiền hụi vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà X 37.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X đối với bà H, ông T như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà H, ông T phải liên đới trả cho bà X số tiền 37.000.000 đồng. Trong đó, 36.000.000 đồng tiền hụi gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X đối với bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị X số tiền 37.000.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/8/2019 là 1.000.000 đồng).

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 1.850.000 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004557, ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Long An;*
- *THA, VKS huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*Lưu AV, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng